

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 300/2022/HC-PT

Ngày 10-5 – 2022

V/v “Khiếu kiện Quyết định hành chính;  
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản  
lý nhà nước về đất đai”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Yên

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Tô Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 230/2021/HCPT ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 07/2021/HCST ngày 26-01-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2930/2021/QĐPT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

- Người khởi kiện: Ông Trần Hoàng S, sinh năm 1968 (Đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông S:

1. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1945; Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn Đại Ninh, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Sú Nhịt H, sinh năm 1972; Vắng mặt.

3. Chị Trần Huyền D, sinh năm 1995; Vắng mặt.

4. Chị Trần Huyền Tr, sinh năm 1997; Vắng mặt.

5. Anh Trần Hoàng D (Sinh năm 2009) do bà Sú Nhịt H đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Xóm 1, thôn Đại Ninh, xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Huyền D: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; Có mặt.

Địa chỉ: 99C, Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: 04 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm S, Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng

Địa chỉ: 270 Quốc lộ 20, khu phố 2, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Nguyên Hoàng, Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng.

Địa chỉ: 270 Quốc lộ 20, khu phố 2, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Cường, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên Hoàng, Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 04 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Hiệp, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm S, Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2012 của ông Trần Hoàng S (đã chết), đơn khởi kiện bổ sung ngày 4/8/2020 và bản tự khai của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ gồm: Bà Hoàng Thị L; Bà Sú Nhịt H; Chị Trần Huyền D; Chị Trần Huyền Tr; Anh Trần Hoàng D:

Hộ gia đình ông S có khai phá diện tích đất 20.652m<sup>2</sup> thuộc thửa 27, 28 và 39 tờ bản đồ dự án số 20 xã Tahine, huyện Đức Trọng và đã được cấp GCNQSDĐ. Ngày 02 tháng 12 năm 2004, Ban đền bù giải phóng mặt bằng huyện Đức Trọng vào đất của gia đình ông S lập bản xác định hiện trạng và thống kê thiệt hại về tài sản vật kiến trúc cây trồng đất đai trong khu vực giải tỏa xây dựng thủy điện Đại Ninh. Xác định diện tích đất thu hồi 20.652m<sup>2</sup> hạng 2 thuộc diện được nhận tiền đền bù. Cây cà phê loại A là 3442 cây, cây cà phê loại 13 là 1721 cây. Theo bảng kê thì gia đình được bồi thường 283.328.000 đồng, cụ thể:

- 8.000m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm hạng 4 giáp đường xe 3, 4 bánh ra vào được: 64.000.000 đồng (8.000 đồng/m<sup>2</sup>).

- 12.652m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm hạng 4 không giáp đường xe 3, 4 bánh ra vào được: 50.608.000 đồng (4.000 đồng/m<sup>2</sup>)

- 2.272 cây cà phê loại A là 13.600.000 đồng (50,000 đồng/cây) - 1.136 cây cà phê loại B là 42.600.000 đồng (75% X 50.000 đồng/cây)

Không đồng ý với giá bồi thường, ông S có đơn khiếu nại yêu cầu UBND huyện Đức Trọng tiến hành thực hiện đền bù, hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 12/05/2006, Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng đã có Quyết định giải quyết khiếu nại số 768/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Trần Hoàng S. Không đồng ý, ông S tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng. Ngày 02/10/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng có Quyết định giải quyết khiếu nại số 2667/QĐ-UBND-TD không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Trần Hoàng S.

Cho đến thời điểm hiện tại, gia đình ông S chưa nhận được bất kì Quyết định thu hồi hoặc Quyết định bồi thường nào liên quan đến diện tích 20.652m<sup>2</sup>. Và cũng không biết số tiền 283.328.000 đồng là số tiền chính thức hay chỉ là con số tạm tính trên bảng kê. Căn cứ biên bản kiểm kê thì toàn bộ diện tích đất là hạng 2 và bao gồm cây cà phê loại A là 3442 cây, cây cà phê loại B là 1721 cây, nhưng bảng kê chưa ghi đủ hiện trạng là không đúng.

Gia đình ông S cho rằng việc giải quyết như vậy của UBND huyện Đức Trọng, Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng là

không đúng quy định pháp luật. Do vậy, gia đình ông S đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết:

- Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 768/QĐ-UBND ngày 12/05/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng

- Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 2667/QĐ-UBND-TD ngày 02/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

- Buộc UBND huyện Đức Trọng ban hành Quyết định thu hồi đất và tiến hành thực hiện đền bù, hỗ trợ đối với diện tích đất 20.652m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản bị thu hồi theo đúng quy định pháp luật.

\* Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng, UBND huyện Đức Trọng trình bày thì:

Năm 2006, ông Trần Hoàng S có đơn khiếu nại gửi UBND huyện khiếu nại một số nội dung liên quan đến việc đền bù, hỗ trợ thuộc dự án thủy điện Đại Ninh, qua xem xét, ông S khiếu nại 03 nội dung:

- Khiếu nại toàn bộ diện tích đất ông bị thu hồi 20.652 m<sup>2</sup> là đất hạng 2 nhưng khi đền bù áp dụng là đất hạng 4.

- Khiếu nại đất của ông có mặt tiếp giáp với đường xe 3-4 bánh ra vào được nhưng không được tính toán đền bù.

- Khiếu nại chưa được chi trả chế độ tiền thưởng khi giao mặt bằng.

Qua rà soát, kiểm tra, hồ sơ thể hiện như sau:

- + Đối với nội dung khiếu nại toàn bộ diện tích đất ông bị thu hồi 20.652m<sup>2</sup> thuộc các thửa đất 27, 28, 39, tờ bản đồ số 20, xã Tà Hine là đất hạng 2 nhưng khi đền bù áp dụng là đất hạng 4:

Theo biên bản kiểm kê ngày 02/12/2004 của Ban đền bù GPMB huyện Đức Trọng (do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đức Trọng lưu giữ và cung cấp) đã xác định diện tích đất các thửa đất số 27, 28, 39 thu hồi của ông S là đất hạng 4, đất nông nghiệp do ông S kê khai là đất trồng cây lâu năm hạng 6. Qua xác định của chính quyền cơ sở và Chi cục thuế huyện Đức Trọng về việc tính toán hạng đất cho các hộ dân, thì đất trồng cây lâu năm thuộc địa bàn xã Tà Hine là đất hạng 5 nên khi lập phương án tính toán bồi thường cho ông S đã áp dụng đất hạng 4. Việc áp dụng hạng đất này đã có lợi cho gia đình ông Trần Hoàng S. Mặt khác qua kiểm tra thì hộ ông Trần Hoàng S đã không thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước trong suốt quá trình sử dụng đất từ trước đến nay.

+ Đối với nội dung khiếu nại bộ diện tích đất bị thu hồi 20.652 m<sup>2</sup> thuộc các thửa 27, 28, 39 đất có mặt tiếp giáp với đường xe 3-4 bánh ra vào được nhưng không được tính toán đền bù:

Ngày 05/9/2005 UBND tỉnh ban hành quyết định số 2286/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ; trong đó, có hộ ông S được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 283.328.000 đồng (Trong đó, có thửa đất 39, tờ bản đồ số 20, xã Tà Hine, diện tích 8.000m<sup>2</sup> được tính toán là đất trồng cây lâu năm hạng 4, có mặt tiếp giáp với đường 3-4 bánh ra vào được).

Riêng đối với các thửa đất số 27, 28 với tổng diện tích 12.652m<sup>2</sup> Qua kiểm tra thể hiện toàn bộ diện tích thửa đất số 27 và 28 có tiếp giáp với đường tại điểm đầu lô đất là 3m (chiều ngang) nhưng con đường này không thể hiện trên bản đồ địa chính, là đường mòn đi qua đất đã cấp GCNQSD đất cho hộ Nguyễn Văn Tiên và hộ Lê Thị Bút (diện tích đất con đường đã được bồi thường cho 02 hộ này).

+ Đối với nội dung khiếu nại chưa được chi trả chế độ tiền thưởng khi giao mặt bằng:

Ngày 21/4/2006, UBND huyện đã có thông báo số 487/TB-UBND trong đó giao cho Ban đền bù GPMB huyện phối hợp với UBND các xã rà soát lại hồ sơ khen thưởng do chấp hành tốt công tác bàn giao mặt bằng nhằm đảm bảo tính công bằng giữa các hộ dân.

Từ các cơ sở nêu trên, UBND huyện Đức Trọng ban hành quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 12/5/2006 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Hoàng S với nội dung: Không chấp nhận nội dung đơn của ông Trần Hoàng S khiếu nại khi bị thu hồi đất thực hiện dự án thủy điện Đại Ninh nhưng không được áp giá đền bù đất hạng 2; đất của ông tiếp giáp với đường xe 3-4 bánh ra vào nhưng không được tính toán đền bù. Đối với nội dung khiếu nại chưa được nhận tiền thưởng, yêu cầu ông làm đơn gửi UBND xã Tà Hine và Ban đền bù - giải phóng mặt bằng huyện để được xem xét, giải quyết theo quy định.

Không đồng ý với quyết định nêu trên, ông Trần Hoàng S đã tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kiểm tra, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2667/QĐUBND-TTĐ ngày 02/10/2006 với nội dung: không chấp nhận đơn của ông Trần Hoàng S và giữ nguyên Quyết định số 768/QĐ UBND ngày 12/5/2006 của Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Hoàng S.

Đối với nội dung buộc UBND huyện Đức Trọng ban hành Quyết định thu hồi đất và tiến hành thực hiện đền bù hỗ trợ đối với diện tích 20.652m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản bị thu hồi theo quy định của pháp luật: Việc thu hồi đất của ông Trần

Hoàng S đã được thực hiện từ năm 2004 - 2005, tuy nhiên từ trước đến nay ông Trần Hoàng S chỉ có đơn khiếu nại liên quan đến các chính sách, chế độ bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất không khiếu nại liên quan đến việc ban hành Quyết định thu hồi đất và đền bù hỗ trợ đối với diện tích và tài sản trên diện tích 20.652 m<sup>2</sup>. Đến nay, đã hết thời hiệu khiếu nại, khởi kiện.

Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử bác yêu cầu của ông Trần Hoàng S.

\* Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng trình bày thì:

Năm 2006, ông Trần Hoàng S có đơn khiếu nại đề nghị tính toán bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (hạng 2) theo Biên bản kiểm kê, tính toán bồi thường diện tích 12.652m<sup>2</sup> đất theo đơn giá đất tại vị trí có đường tiếp giáp với xe 3 bánh, 4 bánh ra vào được; tính toán bồi thường 3.442 cây cà phê loại A và 1.136 cây cà phê loại B khi nhà nước thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án thủy điện Đại Ninh, huyện Đức Trọng. Ngày 12/5/2006, Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng ban hành Quyết định số 768/QĐ-UBND về việc giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Hoàng S. Không đồng ý, ông Trần Hoàng S tiếp tục có đơn gửi UBND tỉnh. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét giải quyết tại Quyết định số 2667/QĐ-UBND ngày 02/10/2006 với nội dung không chấp nhận đơn của ông Trần Hoàng S; Giữ nguyên Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 12/5/2006 của Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng.

Ngày 30/8/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2245/QĐ UB về việc thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án Công trình thủy điện Đại Ninh, huyện Đức Trọng. Theo quyết định này, hộ ông Trần Hoàng S bị thu hồi diện tích 20.652m<sup>2</sup> thuộc các thửa đất số 27, 28, 39, tờ bản đồ địa chính số 20, xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, trong đó có 16.904 m<sup>2</sup> đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 và 3.748 m<sup>2</sup> đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua kiểm tra cho thấy:

- Về đất: Theo biên bản kiểm kê ngày 02/12/2004 của Ban đền bù – giải phóng mặt bằng huyện Đức Trọng (Nay là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đức Trọng) xác định toàn bộ diện tích 20.652 m<sup>2</sup> đất khi thu hồi của gia đình ông Trần Hoàng S là đất hạng 2; trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Văn Sê (Bố của ông Trần Hoàng S) được xác định là nông nghiệp trồng cây hàng năm (Hạng 6), nhưng trên thực tế gia đình ông Trần Hoàng S trồng cây cà phê nên tương ứng đất trồng cây lâu năm (Hạng 5).

- Về vị trí các thửa đất: Trong tổng diện tích 20.652 m<sup>2</sup> đất nêu trên, trong đó có 8.000 m<sup>2</sup> đất có vị trí xe 3 bánh, 4 bánh ra vào được và 12.652 m<sup>2</sup> không có đường xe 3 bánh, 4 bánh mà phải đi qua đất của hai hộ khác.

- Về cây trồng có trên đất: Do ông Trần Hoàng S trồng quá dày, vượt mật độ chuẩn theo quy định, nên từ số lượng thực tế, Ban đền bù - GPMB huyện Đức Trọng đã quy ra mật độ chuẩn là 2.272 cây cà phê hạng A và 1.136 cây cà phê hạng B (Việc quy đổi này đã thể hiện trong Biên bản kiểm kê và được ông Trần Hoàng S ký xác nhận).

Ngày 05/9/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2286/QĐ UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án thủy điện Đại Ninh. Theo quyết định trên, hộ ông Trần Hoàng S được tính toán bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là: 283.328.000 đồng; gồm: bồi thường, hỗ trợ diện tích 8.000m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm hạng 4 (tiếp giáp đường xe 3 bánh, 4 bánh ra vào được); diện tích 12.652m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm hạng 4 (không giáp đường xe 3 bánh, 4 bánh ra vào được); bồi thường, hỗ trợ 2.272 cây cà phê hạng A và 1.136 cây cà phê hạng B và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, ổn định đời sống và các chính sách hỗ trợ khác.

- Toàn bộ diện tích 20.652 m<sup>2</sup> đất khi thu hồi của gia đình ông Trần Hoàng S được xác định là nông nghiệp trồng cây hàng năm (Hạng 6), nhưng trên thực tế gia đình ông Trần Hoàng S trồng cây cà phê nên tương ứng đất trồng cây lâu năm (Hạng 5), nhưng các cơ quan chức năng đã xem xét tính toán bồi thường đất trồng cây lâu năm hạng 4 cho ông Trần Hoàng S tuy chưa đúng quy định, nhưng đã đảm bảo quyền lợi theo hướng có lợi cho gia đình ông Trần Hoàng S.

- Đối với diện tích 12.652m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 27, 28 không tiếp giáp với đường đi mà xe 3 bánh, 4 bánh ra vào được nên các ngành chức năng đã xem xét tính toán bồi thường theo đơn giá đất tại vị trí đất không tiếp giáp với đường đi là đúng quy định.

- Về cây trồng có trên đất: Do ông Trần Hoàng S trồng quá dày, vượt mật độ chuẩn theo quy định, nên từ số lượng thực tế theo Biên bản kiểm kê ngày 02/12/2004, Ban đền bù - GPMB huyện Đức Trọng đã quy đổi ra mật độ chuẩn là 2.272 cây cà phê hạng A và 1.136 cây cà phê hạng B để tính toán bồi thường là đúng quy định.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2667/QĐ-UBND ngày 02/10/2006 về việc giải quyết đơn của ông Trần Hoàng Saung là đúng theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 2667/QĐ-UBND ngày 02/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Hoàng S.

\* Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Lâm Đồng:

Ngày 08/5/1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 293/TTg về việc phê duyệt đầu tư nhà máy thủy điện Đại Ninh, huyện Đức Trọng.

Ngày 26/8/2002, Sở Địa chính (Nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) có Tờ trình số 598/TTr-ĐC đề nghị UBND tỉnh thu hồi đất để giao cho Ban quản lý dự án Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi – Đại Ninh để xây dựng công trình thủy điện Đại Ninh.

Ngày 30/8/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2245/QĐ UB về việc thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án Công trình thủy điện Đại Ninh, huyện Đức Trọng. Theo quyết định này, hộ ông Trần Hoàng S bị thu hồi diện tích 20.652m<sup>2</sup> thuộc các thửa đất số 27, 28, 39, tờ bản đồ địa chính số 20, xã Tà Hine, huyện Đức Trọng, trong đó có 16.904m<sup>2</sup> đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 và 3.748m<sup>2</sup> đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Để triển khai thực hiện dự án, ngày 05/9/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2286/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án thủy điện Đại Ninh. Theo quyết định trên, hộ ông Trần Hoàng S được tính toán bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là: 283.328.000 đồng (gồm: bồi thường, hỗ trợ diện tích 8.000m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm hạn 4 (tiếp giáp đường xe 3 bánh, 4 bánh ra vào được); diện tích 12.652m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm hạn 4 (không giáp đường xe 3 bánh, 4 bánh ra vào được); bồi thường, hỗ trợ 2.272 cây cà phê hạng A và 1.136 cây cà phê hạng B và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, ổn định đời sống và các chính sách hỗ trợ khác).

Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 2245/QĐ-UB ngày 30/8/2002 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất để giao cho Ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Đại Ninh và Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 02/10/2005 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị thu hồi để triển khai thực hiện dự án thủy điện Đại Ninh, huyện Đức Trọng.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 07/2021/HCST ngày 26-01-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:*

- Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a, khoản 2, Điều 193 và Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; Luật đất đai năm 1993; Luật đất đai năm 2003; Luật khiếu nại năm 1998; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khiếu nại năm 2004; Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng S và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hoàng S là bà Hoàng Thị L, bà Sú Nhịt H, chị Trần Huyền D, chị Trần Huyền Tr; anh Trần Hoàng Duy về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai” đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 768/QĐ-UBND ngày 12/05/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2667/QĐ-UBND -TD ngày 02/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Buộc UBND huyện Đức Trọng ban hành Quyết định thu hồi đất và tiến hành thực hiện đền bù, hỗ trợ đối với diện tích đất 20.652m<sup>2</sup> và toàn bộ tài sản bị thu hồi theo đúng quy định pháp luật.

2. Quyết định số 2245/QĐ-UB Ngày 30/8/2002 về việc thu hồi đất để triển khai thực hiện dự án Công trình thủy điện Đại Ninh, huyện Đức Trọng, Quyết định số 2286/QĐ-UB ngày 05/9/2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại dự án thủy điện Đại Ninh và Công văn số 3803/UBND-TD ngày 30-5-2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng V/v trả lời đơn khiếu nại của ông S là đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/02/2021, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Huyền D là ông Nguyễn Ngọc Tỉnh có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Huyền D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số

07/2021/HC-ST ngày 26/01/2021 về việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của người khởi kiện, người bị kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Về hình thức đơn kháng cáo của người khởi kiện, trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 24/02/2021, ông Nguyễn Ngọc Tỉnh đại diện theo ủy quyền của bà Trần Huyền D (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hoàng S) kháng cáo bản án số 07/2021/HC-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

[1] Về đối tượng khởi kiện: cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 12/5/2006 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng và quyết định số 2667/QĐ-UBND –TD ngày 02/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng là đúng quy định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 116 Luật tố tụng hành chính, cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu là có căn cứ.

[3] Xét tính hợp pháp và thẩm quyền ban hành quyết định số 768 và quyết định 2667 thì thấy đúng thẩm quyền.

[4] Xét nội dung: Ngày 05/9/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2286/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án thủy điện Đại Ninh. Theo quyết định trên, hộ ông Trần Hoàng S được tính toán bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 283.328.000đ, gồm: Bồi thường, hỗ trợ diện tích 8.000m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm hạng 4 (tiếp giáp đường xe 3,4 bánh ra vào được); diện tích 12.652m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm hạng 4 (không giáp đường xe 3, 4 bánh ra vào được); bồi thường hỗ trợ 2.272 cây cà phê hạng A và 1.136 cây cà phê hạng B và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, ổn định đời sống và các chính sách hỗ trợ khác.

Ông Trần Hoàng S và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện cho rằng: Nguồn gốc đất 20.652m<sup>2</sup> thuộc thửa 27, 28 và 39 tờ bản đồ số 20, xã Tà Hine, huyện Đức Trọng khi bị thu hồi để thực hiện dự án thủy điện Đại Ninh là thuộc đất hạng 2 nên khi nhà nước tính toán bồi thường phải tính giá cao hơn cho gia đình ông. Đối với diện tích 12.652m<sup>2</sup> đất của ông

giáp đường xe 3,4 bánh ra vào. Bên cạnh đó, cây trồng của ông có mật độ dày hơn nên phải được chi trả bồi thường cây trồng trên đất theo hiện trạng.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện vì:

Căn cứ quyết định số 26/2005/QĐ-UB ngày 01/02/2005 về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn huyện Đức Trọng; Quyết định số 112/2002/QĐ-UB ngày 30/8/2002 v/v ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại các loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và thực tế sử dụng đất của ông S. Ngày 05/9/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quyết định số 2286/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại dự án thủy điện Đại Ninh để tính toán và bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm hạng 4, đất mặt tiền của đường xe 3, 4 là 8.000đ/m<sup>2</sup> cho hộ ông S là phù hợp.

Đối với bồi thường cây trồng: Theo biên bản xác minh hiện trạng thể hiện ông S trồng 5.136 cây/20.652m<sup>2</sup> (trong đó có 3.422 cây hạng A; 1.721 cây hạng B). Căn cứ Quyết định số 112/2002/QĐ-UB ngày 30/8/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thì cây cà phê Robusta trên 4 năm tuổi được bồi thường là 45.000đ/cây. Tuy nhiên, cơ quan bồi thường đã áp giá cho ông S là 50.000đ/cây (đối với cây hạng A) và đối với cây loại B bằng 75% đơn giá cây loại A. Như vậy, việc bồi thường cây trồng cho ông S là đúng quy định. Do đó, cấp sơ thẩm không đồng ý hủy quyết định số 768 và quyết định số 2667.

[5] Nhận định của Tòa án: Xét thấy, cấp sơ thẩm xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay phía người khởi kiện không đưa ra được những chứng cứ khác nên không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của Người khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của người khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hoàng S là bà Trần Huyền D;

Giữ nguyên quyết định của bản án số 07/2021/HC-ST ngày 26/01/2021 về việc khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: bà Trần Huyền D, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Hoàng S phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ theo biên lai thu số 0005445 ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Các thẩm phán**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Tú Oanh**

**Phan Tô Ngọc**

**Phan Văn Yên**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (8);
- Lưu (VP 05, HS 01) (DTTP 20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Văn Yên**

